



Công ty cổ phần Du Lịch & Xuất Nhập Khẩu Lạng Sơn

TOCOLIMEX

[TRANG CHỦ](#)

[GIỚI THIỆU CÔNG TY](#)

[TIN TỨC - SỰ KIỆN](#)

[LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG](#)

[TUYỂN DỤNG](#)

[LIÊN HỆ](#)

[Home](#) > [news](#)

[Tour du lịch](#)
[Giới thiệu](#)
[Tin tức](#)

Báo giá



Chương trình Du Lịch Quốc Tế

[\[Tải báo giá\]](#)

Tìm kiếm nội dung

Xem Nhiều

Lưu trữ

[Cơ cấu bộ máy quản lý...](#)
12 Jan 2012

[Hợp đồng thuê địa điểm...](#)
12 Jan 2012

[Siêu thị Bắc Sơn thông...](#)
12 Jan 2012

[Cơ cấu tổ chức Công ty](#)
12 Jan 2012

[Giới thiệu chung](#)
12 Jan 2012

[Nghị quyết đại hội cổ...](#)
12 Jan 2012

[Thông báo thuê địa điểm...](#)
12 Jan 2012

[Lịch sử hình thành](#)
12 Jan 2012

[\[Tour\]Nam Ninh-Trùng khánh-Trường...](#)
13 Jan 2012

[\[Tour\]Lạng Sơn-Nam Ninh-Quế...](#)
13 Jan 2012

<<	<	MAR 2012	>	>>		
Sun	Mon	Tue	Wed	Thu	Fri	Sat
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

Bình chọn

Thông tin từ website này có hữu ích không

- Rất hữu ích
 Bình thường
 Có nhưng ít thông tin
 Lần đầu truy cập
 Không

Vote Now

View result

Tin Tức & Sự Kiện

[Bảo cáo kiểm toán 2011](#)

[Nghị quyết đại hội cổ đông b](#)

[Thông báo mời họp](#)

[Chương trình đại hội cổ đông b](#)

[Hợp đồng thuê địa điểm kinh do](#)

[Thông báo thuê địa điểm kinh doan](#)

[Siêu thị Bắc Sơn thông báo ký k](#)

[Nội quy trung tâm thương mại Bắc](#)

Báo cáo kiểm toán 2011

Fri 16, March 2012 in [Tin tức](#)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

LẠNG SƠN, THÁNG 03 NĂM 2012

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

04 - 05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

06 - 08

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

09

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1403000156 ngày 10 tháng 03 năm 2006 và Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 số 4900101456 thay đổi lần 4 ngày 28 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN**

Vốn điều lệ: 29.579.000.000 VND

Trụ sở chính: Số 09 Trần Hưng Đạo - Phường Chi Lăng - Thành phố Lạng Sơn - Tỉnh Lạng Sơn

Hoạt động kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900101456 thay đổi lần 4 ngày 28 tháng 12 năm 2011 thì Công ty hoạt động kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Không bao gồm bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

-Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu);

-Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ bán vé máy bay);

-Thu gom rác thải không độc hại;

-Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giặt là);

-Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Phòng hát karaoke và kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài);

-Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

-Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm;

-Bán buôn thực phẩm;

-Quảng cáo;

-Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết : Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa);

-Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (Chi tiết: Hoạt động vui chơi thể chất đa năng dành cho trẻ em);

-Hoạt động thể thao khác (Chi tiết: Hoạt động thể thao đa năng)/.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng quản trị công ty

Ông Trần Việt Di Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Đức Thanh Ủy viên

Ông Phạm Đình Ban Ủy viên

Bà Vi Thị Mai Thanh Ủy viên

Ông Lê Văn Do Ủy viên

Ông Đậu Trường Sinh Ủy viên

Bà Nguyễn Thu Hiền Ủy viên

Ông Lâm Bảo Kỳ Ủy viên

Bà Nguyễn Tiêu Mai Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Việt Di Tổng Giám đốc

Ông Trần Đức Thanh Phó Tổng Giám đốc

Ông Đậu Trường Sinh Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC-Việt Nam.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 với số lỗ trước thuế là 604.711.985 VND được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 và Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chế độ kế toán hiện hành;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Trần Việt Di

Giám đốc

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2012

Số: /BCKT - (ACC - Vietnam)

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

Chúng tôi, Công ty Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC-Việt Nam (ACC-Viet Nam) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày theo các nguyên tắc kế toán, Luật kế toán các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập, trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý và đảm bảo rằng Công ty tuân thủ đúng pháp luật và các qui định hiện hành, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định trong Công ty.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, báo cáo của Kiểm toán viên với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh được trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các nguyên tắc kế toán được sử dụng và những ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, công việc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi một số vấn đề sau

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2011 chỉ tiêu hàng tồn kho của Chi nhánh Hà Nội với giá trị là: 1.939.755.955 VND. Chúng tôi đã không tham gia chứng kiến kiểm kê chỉ tiêu hàng tồn kho này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán bổ sung. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính chính xác và tính hiện hữu của các khoản mục hàng tồn kho của Chi nhánh Hà Nội được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết (nếu có) cho Báo cáo tài chính do ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế đã nêu trên. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh. Tình hình lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐỊNH GIÁ ACC-VIỆT NAM**

Nguyễn Văn Thành		Kiểm toán viên
Giám đốc		Chứng chỉ KTV số: /KTV
Chứng chỉ KTV số: 0814/KTV		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B01 – DN

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2011	01/01/2011
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.138.145.253	28.172.150.015
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	03	1.257.179.612	2.555.891.529
1	Tiền	111		1.257.179.612	2.555.891.529
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	04	2.500.000.000	8.550.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121		2.500.000.000	8.550.000.000
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.248.429.249	6.463.407.689
1	Phải thu của khách hàng	131		1.497.055.690	2.603.198.181
2	Trả trước cho người bán	132		1.624.704.953	2.407.778.256
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	138	05	126.668.606	1.452.431.252
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140	06	8.756.393.126	9.623.131.218
1	Hàng tồn kho	141		8.756.393.126	9.623.131.218
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		376.143.266	979.719.579
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.983.283	
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		216.907.276	435.285.993
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	07	148.252.707	544.433.586
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		130.950.124.012	110.808.296.455
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Phải thu nội bộ dài hạn	211		-	-
3	Phải thu dài hạn khác	211		-	-

4	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	211		-	
II	Tài sản cố định	220		63.157.258.904	44.959.463.294
1	Tài sản cố định hữu hình	221	08	11.430.483.113	9.595.503.286
	- Nguyên giá	222		21.903.891.792	18.994.379.218
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.473.408.679)	(9.398.875.932)
2	Tài sản cố định vô hình	227	09	264.249.990	-
	- Nguyên giá	228		441.127.273	129.127.273
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(176.877.283)	(129.127.273)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	51.462.525.801	35.363.960.008
III	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	64.622.821.897	64.622.821.897
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		64.622.821.897	64.622.821.897
3	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	258		-	-
IV	Tài sản dài hạn khác	260	12	3.170.043.211	1.226.011.264
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		2.919.412.300	969.088.655
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		250.630.911	256.922.609
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.088.269.265	138.980.446.470

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2011	01/01/2011
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		117.582.802.734	108.369.178.388
I	Nợ ngắn hạn	310		12.815.548.860	17.433.241.559
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2	Phải trả người bán	312		5.667.029.808	8.555.875.077
3	Người mua trả tiền trước	313		47.710.400	-
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	398.232.026	605.990.858
5	Phải trả người lao động	315		533.788.135	554.345.550
6	Chi phí phải trả	316		-	-
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ KH HĐ xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	6.124.511.900	7.721.351.424
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quý khen thưởng, phúc lợi			44.276.591	(4.321.350)
II	Nợ dài hạn	330		104.767.253.874	90.935.936.829
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	15	101.304.738.408	87.980.222.550

5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.308.812	4.436.779	
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-	
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	3.458.206.654	2.951.277.500	
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	29.505.466.531	30.611.268.082	
1	Vốn chủ sở hữu	410	16	29.505.466.531	30.611.268.082
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.579.000.000	29.579.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	(91.210.454)	(91.210.454)	
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-	
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	547.182.109	580.262.380	
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	106.842.625	37.442.625	
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(636.347.749)	505.773.531	
11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-	
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	
1	Nguồn kinh phí	432	-	-	
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	147.088.269.265	138.980.446.470	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu B 01 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	ĐVT	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài	001	VND	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	002	VND	-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003	VND	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	VND	-	-
5. Ngoại tệ các loại	007	USD	-	-
		JPY	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	008	VND	-	-

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Đức Hương	Lê Văn Do	Trần Việt Di

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm 2011	Năm 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	39.558.447.203	28.489.394.372

2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	2.567.497.380	2.072.994.131
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10	19	36.990.949.823	26.416.400.241
4	Giá vốn hàng bán	11	20	26.987.553.244	21.102.699.108
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		10.003.396.579	5.313.701.133
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	583.481.654	1.106.402.808
7	Chi phí tài chính	22	22	273.598.227	10.101.700
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		273.598.227	10.101.700
8	Chi phí bán hàng	24		5.029.973.023	1.408.380.181
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.141.991.661	4.145.841.928
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(858.684.678)	855.780.132
11	Thu nhập khác	31		267.228.994	133.435.635
12	Chi phí khác	32		13.256.302	63.780.829
13	Lợi nhuận khác	40		253.972.692	69.654.806
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(604.711.985)	925.434.938
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	231.358.735
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(604.711.985)	694.076.203
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	24	(204)	247

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Đức Hương	Lê Văn Do	Trần Việt Di

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

TT	Chi tiêu	Mã Ghi số chú		Năm 2011	Năm 2010
		3	4		
1	2	3	4	5	6
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	11		51.536.345.215	49.452.668.457
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	12		(49.731.348.204)	(39.468.470.781)
3	Tiền chi trả cho người lao động	13		(4.913.053.633)	(4.993.419.658)
4	Tiền chi trả lãi vay	14		(273.598.227)	(10.101.700)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	15		(224.948.556)	(89.868.409)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		41.562.052.712	25.041.265.047
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(39.906.979.057)	(19.649.423.819)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.951.529.750)	10.282.649.137
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(4.770.175.700)	(13.299.685.781)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		-	-

3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.950.000.000)	(12.900.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.000.000.000	12.992.497.131
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.469.533	174.721.779
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.293.293.833	(13.032.466.871)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ chủ sở hữu	31	-	2.429.587.500
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	511.000.000	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.151.476.000)	-
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(640.476.000)	2.429.587.500
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(1.298.711.917)	(320.230.234)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.555.891.529	2.876.121.763
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1.257.179.612	2.555.891.529

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Đức Hương

Lê Văn Do

Trần Việt Di

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 22 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (TOCOLIMEX) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1403000156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lạng Sơn cấp, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 28 tháng 12 năm 2011 mã số doanh nghiệp mới là 4900101456 và các thông tin doanh nghiệp mới cụ thể như sau:

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN**Tên giao dịch: **LANG SON TOURISM AND IMPORT - EXPORT JOINT STOCK COMPANY**Tên viết tắt: **TOCOLIMEX**

Vốn điều lệ: 29.579.000.000 VND

Trụ sở chính: Số 9, đường Trần Hưng Đạo, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn.

Hoạt động kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900101456 thay đổi lần 4 ngày 28 tháng 11 năm 2011 thì Công ty hoạt động kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Không bao gồm bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Xông hơi, xoa bóp, bấm lũng, vật lý trị liệu);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ bán vé máy bay);
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giặt là);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Phòng hát karaoke và kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm;
- Bán buôn thực phẩm;
- Quảng cáo;
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết : Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa);
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (Chi tiết: Hoạt động vui chơi thể chất đa năng dành cho trẻ em);
- Hoạt động thể thao khác (Chi tiết: Hoạt động thể thao đa năng)/.

2.NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

a)Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

b)Kỳ kế toán và hình thức kế toán

Báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Hình thức kế toán: Nhật ký chứng từ.

c)Áp dụng luật kế toán và các chuẩn mực kế toán

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") ban hành đợt 01 theo Quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính, đợt 02 theo Quyết định 165/2002/QĐ - BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính, đợt 03 theo Quyết định số 234/2003/QĐ - BTC, đợt 04 theo Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC và đợt 05 theo Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Các thông tư hướng dẫn chuẩn mực kế toán, bao gồm:

Thông tư số 89/2002/TT – BTC ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2002 về việc " Hướng dẫn kế toán thực hiện bốn chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính"

Thông tư số 105/2003/TT - BTC ban hành ngày 04 tháng 11 năm 2003 về việc " Hướng dẫn kế toán thực hiện sáu chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ - BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính"

Thông tư số 20/2006/TT - BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 về việc " Hướng dẫn kế toán thực hiện sáu chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính"

Thông tư số 21/2006/TT - BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 về việc " Hướng dẫn kế toán thực hiện bốn chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính"

Thông tư 161/2007/TT - BTC ban hành ngày 31/12/2007 về việc " Hướng dẫn thực hiện mười sáu chuẩn mực ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ - BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ - BTC ngày 30/12/2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính"

Thông tư số 210/2009/TT - BTC ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 về việc "Hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính".

Chế độ kế toán áp dụng là quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc " Ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp". Thông tư số 244/2009/TT - BTC ban hành ngày 31/12/2009 về việc " Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp".

d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Phương pháp tính giá hàng tồn kho là phương pháp bình quân gia quyền. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho".

e) Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản khác	04 - 25

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, nhãn hiệu hàng hóa và tài sản cố định vô hình khác. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính không quá 20 năm.

f) Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bằng phương pháp vốn chủ sở hữu hoặc phương pháp giá gốc:

Phương pháp vốn chủ sở hữu: Là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải phản ánh phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên nhận đầu tư.

Phương pháp giá gốc: Là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

g) Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở hàng đã giao, dịch vụ đã hoàn thành và người mua chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động kinh doanh khách sạn nhà hàng, hướng dẫn du lịch, hoạt động xuất nhập khẩu và sản xuất kinh doanh rượu Mấu Sơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp

dụng.

h)Thuế

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng khách sạn, hướng dẫn du lịch, kinh doanh rượu Mầu Sơn là 10%.

Công ty đang áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 45% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ trở lên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành và sẽ được tất toán khi cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra quyết toán.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo trong thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

i)Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư dưới 03 tháng có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

j)Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá phát sinh thực tế của Ngân hàng giao dịch tại thời điểm cuối năm. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản này không được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà được phản ánh trên khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái của Bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009 /TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 "Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp".

k)Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập vào thời điểm cuối năm tài chính theo quy định tại Thông tư số 228/2009/T - BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp". Hiện công ty chưa trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

l)Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp mất việc làm được trích và hạch toán theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT - BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp".

m)Chi phí đi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng. Lãi tiền vay trong các trường hợp còn lại được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3. TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	504.441.202	854.428.095
Tiền gửi ngân hàng	752.738.410	1.701.463.434
Tiền gửi ngân hàng VND	752.738.410	1.701.463.434
<i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Lạng Sơn</i>	<i>473.383.632</i>	<i>1.352.587.228</i>
<i>Ngân hàng Công thương Lạng Sơn</i>	<i>242.861.334</i>	<i>28.983.340</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn LS</i>	<i>-</i>	<i>28.595.219</i>
<i>Ngân hàng Công thương Hà Nội</i>	<i>9.926.680</i>	<i>291.297.647</i>
<i>Ngân hàng SHB Chi nhánh Lạng Sơn</i>	<i>26.566.764</i>	
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	-	-
Cộng	1.257.179.612	2.555.891.529

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000.000	8.550.000.000
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lạng Sơn</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>8.050.000.000</i>
<i>Ngân hàng Công thương tỉnh Lạng Sơn</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>
Cộng	2.500.000.000	8.550.000.000

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	40.327.111	21.487.255
Hoàn thuế giá trị gia tăng	-	1.067.652.211
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	46.888.356	289.198.871
Phải thu đối tượng khác	39.453.139	74.092.915
Cộng	126.668.606	1.452.431.252

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.334.061.131	2.100.653.463
Thành phẩm	666.079.134	611.085.706
Hàng hóa	5.756.252.861	6.911.392.049
Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho (*)		
Cộng giá gốc Hàng tồn kho	8.756.393.126	9.623.131.218

(*) Trong việc lập Báo cáo tài chính này Công ty chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được của Hàng tồn kho để làm căn cứ trích lập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho.

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
--	------------	------------

	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý		-
Tạm ứng	148.252.707	544.433.586
Cộng	148.252.707	544.433.586

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoán mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
<u>Nguyên giá</u>					
Tại 01/01/2011	14.243.298.551	2.473.908.175	1.950.175.485	326.997.007	18.994.379.218
-					
Tăng trong năm	2.135.389.955	1.246.799.419	11.500.000	182.864.000	3.576.553.374
Mua sắm mới	-	475.213.164	11.500.000	171.314.000	658.027.164
Tăng do chuyển giao					
Tăng khác	2.135.389.955	771.586.255	-	11.550.000	2.918.526.210
Giảm trong năm	-	667.040.800	-	-	667.040.800
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	667.040.800	-	-	667.040.800
Tại 31/12/2011	16.378.688.506	3.053.666.794	1.961.675.485	509.861.007	21.903.891.792
Chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đã khấu hao hết	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn lũy kế

Tại 01/01/2011	5.887.464.749	1.993.034.898	1.383.979.278	134.397.007	9.398.875.932
Tăng trong năm	776.840.806	141.620.759	108.085.334	47.985.848	1.074.532.747
Khấu hao trong năm	776.840.806	141.620.759	108.085.334	47.985.848	1.074.532.747
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	6.664.305.555	2.134.655.657	1.492.064.612	182.382.855	10.473.408.679

Giá trị còn lại

Tại 01/01/2011	8.355.833.802	480.873.277	566.196.207	192.600.000	9.595.503.286	
Tại t	Tại 31/12/2011	9.714.382.951	919.011.137	469.610.873	327.478.152	11.430.483.113

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<u>Nguyên giá</u>				
Tại 01/01/2011	12.727.273	97.500.000	18.900.000	129.127.273
Tăng trong năm	-	-	312.000.000	312.000.000
Mua trong năm	-	-	312.000.000	312.000.000
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	12.727.273	97.500.000	330.900.000	441.127.273
<u>Giá trị hao mòn</u>				
Tại 01/01/2011	12.727.273	97.500.000	18.900.000	129.127.273
Tăng trong năm	-	-	47.750.010	47.750.010
Khấu hao trong năm	-	-	47.750.010	47.750.010
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	12.727.273	97.500.000	66.650.010	176.877.283
<u>Giá trị còn lại</u>				
Tại 01/01/2011	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	-	-	264.249.990	264.249.990

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công trình tòa nhà Trung tâm TM Bắc Sơn	50.826.863.044	34.666.848.826
Chi phí giải phóng mặt bằng TTTM Bắc Sơn	635.662.757	697.111.182
Cộng	51.462.525.801	35.363.960.008

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (*)	64.622.821.897	64.622.821.897
Cộng	64.622.821.897	64.622.821.897

(*) Công ty góp vốn bằng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc Tế Lạng Sơn, một Công ty liên doanh được thành lập tại Lạng Sơn; địa chỉ: Km 15, quốc lộ 1A, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá trị chờ phân bổ của CCDC xuất dung	2.919.412.300	969.088.655
Ký cược ký quỹ dài hạn	250.630.911	256.922.609
Cộng	3.170.043.211	1.226.011.264

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	234.926.427	147.492.786
Thuế tiêu thụ đặc biệt	127.379.623	227.694.828
Thuế thu nhập doanh nghiệp		55.742.465
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	31.873.557	124.066.042
Thuế thu nhập cá nhân	4.052.419	
Cộng	398.232.026	605.990.858

Việc xác định các loại thuế phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo trong thời kỳ và việc xác định sau cùng về các loại thuế này tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải trả về Cổ phần hóa	305.756.633	305.756.633
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của CBCNV	654.000.000	672.000.000
Cổ tức phải trả	775.410.153	723.410.153
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	4.389.345.114	6.020.184.638

Cộng **6.124.511.900** **7.721.351.424**

(*) Trong đó bao gồm 4 tỷ đồng là khoản tiền Công ty được Sở Tài chính Lạng Sơn tạm ứng quỹ dự trữ tài chính cho Doanh nghiệp dự trừ hàng hóa bình ổn giá.

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lạng Sơn (*)	36.681.916.511	23.357.400.653
Vay vốn Công ty CP Quốc Tế Lạng Sơn	64.622.821.897	64.622.821.897
Cộng	101.304.738.408	87.980.222.550

(*) Vay theo hợp đồng tín dụng số 8686/2009/HD ngày 13 tháng 10 năm 2009 giữa Công ty Cổ Phần Du Lịch Và Xuất Nhập Khẩu Lạng Sơn với Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, khoản vay sẽ được thanh toán các khoản đầu tư xây dựng dự án " Tòa nhà thương mại Bắc Sơn", thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi xuất cho vay VND được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng đầu tư phát triển lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần, tài sản đảm bảo cho khoản vay là tòa nhà thương mại Bắc Sơn.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	26.890.000.000	580.262.380	339.495.000
- Tăng vốn trong năm trước	2.689.000.000	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(302.052.375)
Số dư cuối năm trước	29.579.000.000	580.262.380	37.442.625
Số dư đầu năm nay	29.579.000.000	580.262.380	37.442.625
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-
- Tăng khác	-	208 000 000	69 400 000
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-
- Giảm khác	-	(241 080 271)	-
Số dư cuối năm nay	29.579.000.000	547.182.109	106.842.625

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
1	5	6	7
Số dư đầu năm trước	-	50.000.000	45.167.167
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	694 076 203
- Tăng khác	13.445.000	50.000.000	-

- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-
- Giảm khác	(104.655.454)	(50.000.000)	(323.965.429)
Số dư cuối năm trước	(91.210.454)	-	415.277.941
Số dư đầu năm nay	(91.210.454)	-	415.277.941
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	(604.711.987)
- Giảm khác	-	-	(446.913.703)
Số dư cuối năm nay	(91.210.454)	-	(636.347.749)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2011		Năm 2010	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	14.787.400.000	49,99%	14.787.400.000	49,99%
Vốn góp của Nhà đầu tư nước ngoài (*)	7.500.000.000	25,36%	7.500.000.000	25,36%
Vốn góp của người lao động trong Công ty	4.166.500.000	14,08%	4.166.500.000	14,08%
Vốn góp của các cổ đông khác	3.125.100.000	10,57%	3.125.100.000	10,57%
Cộng	29.579.000.000	100%	29.579.000.000	100%

(*) Các nhà đầu tư Đài Loan

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.579.000.000	26.890.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	2.689.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.579.000.000	29.579.000.000
Cộng	29.579.000.000	29.579.000.000

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán các sản phẩm rượu	16.532.191.737	6.365.610.910
Doanh thu Dịch vụ lữ hành du lịch	7.800.928.442	6.729.680.895
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khác	15.225.327.024	15.394.102.567
Cộng	39.558.447.203	28.489.394.372

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND

Thuế Tiêu thụ đặc biệt (sản phẩm rượu)	2.567.497.380	2.072.994.131
--	---------------	---------------

Cộng	2.567.497.380	2.072.994.131
-------------	----------------------	----------------------

19. DOANH THU THUẬN VÉ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Bán các sản phẩm rượu	13.964.694.357	4.292.616.779
Hoạt động Dịch vụ lữ hành du lịch	7.800.928.442	6.729.680.895
Hoạt động Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khác	15.225.327.024	15.394.102.567
Cộng	36.990.949.823	26.416.400.241

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hàng bán của các sản phẩm rượu đã bán	9.855.249.163	3.408.679.706
Giá vốn hàng bán của hoạt động dịch vụ lữ hành du lịch	6.215.094.399	5.820.301.234
Giá vốn hàng bán của hoạt động dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khác	10.917.209.682	11.873.718.168
Cộng	26.987.553.244	21.102.699.108

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	583.481.654	957.887.808
Doanh thu hoạt động tài chính khác		148.515.000
Cộng	583.481.654	1.106.402.808

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	268.666.227	-
Chi phí tài chính khác (*)	4.932.000	10.101.700
Cộng	273.598.227	10.101.700

(*) Trả lãi rút tiền ký quỹ của nhân viên chuyển công tác

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập chịu thuế	-	925.434.938
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	231.358.735

Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	231.358.735

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(604.711.985)	694.136.203
Lãi suất phân chia cho cổ phiếu trong kỳ	-	-
Lợi tức cổ phiếu ưu đãi trong kỳ	-	-
Lợi tức cổ phiếu thường trong kỳ	-	-
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	2.957.900	2.808.137
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(204)	247

b. Cổ phiếu công ty

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	2.957.900	2.957.900
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	2.957.900	2.957.900
+ Cổ phần phổ thông	2.957.900	2.957.900
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.957.900	2.957.900
+ Cổ phần phổ thông	2.957.900	2.957.900
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

c. Mệnh giá

	Năm 2011	Năm 2010
	VND/Cổ phần	VND/Cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu Báo cáo tài chính năm 2010 được trình bày nhằm mục đích so sánh đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác.

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Đức Hương	Lê Văn Do	Trần Việt Di

Last Modified: Fri 16, March 2012

[File Attachment](#)

Visits: 21 [Share](#)

RELATED ARTICLES

[Tour] Lạng Sơn – Nam Ninh - Quảng Châu – Chu Hải – Ma Cao - Hồng Kông – Thâm Quyển (7 Ngày 6 đêm)
Nghị quyết đại hội cổ đông bất thường năm 2011
Thông báo mời họp
Thông báo thuê địa điểm kinh doanh tại trung tâm thương mại Bắc Sơn
Siêu thị Bắc Sơn thông báo ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá

Công ty cổ phần Du Lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn

Địa chỉ: Số 09 đường Trần Hưng Đạo, Phường Chi Lăng, Tp Lạng Sơn

Điện thoại: 025.3814.848

Fax: 025.3814806

Email: minhtuanit@tocolimex.com

-Được chuyển đổi thành công ty cổ phần du lịch và xuất nhập khẩu Lạng Sơn từ ngày 10/3/2006. Theo giấy phép kinh doanh đầu tiên số 11403000156 do sở kế hoạch và đầu tư Lạng Sơn cấp.

-Thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 4, ngày 28/11/2011. Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900101456.

